

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **70** /2026/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách đầu tư phát triển, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ, đường sắt địa phương trên địa bàn Thành phố
(Thực hiện điểm a, b, c, đ, khoản 1, Điều 13 và điểm d, khoản 4, Điều 26, Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đường sắt số 95/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Xét các Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố: số 154/TTr-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2026, số 244/TTr-UBND ngày 9 tháng 6 năm 2026 về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chính sách đầu tư phát triển, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ, đường sắt địa phương trên địa bàn Thành phố (thực hiện điểm a, b, c, đ, khoản 1, Điều 13 và điểm d, khoản 4, Điều 26, Luật Thủ đô số 02/2026/QH16); Báo cáo thẩm tra số 126/BC-BĐT ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội; Báo cáo tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân Thành phố: số 239/BC-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2026, số 2769/UBND-TH ngày 14 tháng 6 năm 2026; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định chính sách đầu tư phát triển, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ, đường sắt địa phương trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách theo quy định tại điểm a, b, c, đ khoản 1 Điều 13 và điểm d khoản 4 Điều 26 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, gồm:

1. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường bộ.
2. Quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, đường sắt địa phương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước tham gia hoặc có liên quan đến đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đường bộ, trạm sạc điện công cộng, hệ thống đổi pin công cộng cho phương tiện giao thông sử dụng điện; quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ, đường sắt địa phương trên địa bàn Thành phố;

2. Cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện chính sách

1. Việc thực hiện các chính sách quy định tại Nghị quyết này phải bảo đảm đúng chủ trương của Đảng, phù hợp với quy định của pháp luật, đúng quy hoạch có liên quan và yêu cầu phát triển Thủ đô; góp phần đẩy nhanh tiến độ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường bộ, đường sắt địa phương theo hướng đồng bộ, hiện đại, xanh, thông minh và bền vững.

2. Kiểm soát quyền lực, cơ chế giám sát, kiểm tra, thanh tra trong quá trình thực hiện chính sách theo yêu cầu của Luật Thủ đô.

3. Đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng đường bộ phải được thực hiện đồng bộ giữa công trình chính và các hạng mục phụ trợ (hệ thống thu gom, thoát nước, trạm dừng đỗ xe buýt và các công trình phụ trợ khác) để bảo đảm tính hoàn chỉnh theo quy mô, cấp kỹ thuật của dự án, phù hợp quy hoạch và đáp ứng yêu cầu khai thác, vận hành an toàn, hiệu quả.

4. Tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, đường sắt địa phương được quản lý, sử dụng, khai thác theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan; bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực nhà nước, huy động hợp lý nguồn lực xã hội, phòng ngừa thất thoát, lãng phí.

5. Trường hợp dự án được điều chỉnh bởi nhiều chính sách ưu đãi khác nhau thì chỉ được chọn mức ưu đãi cao nhất, hoặc mức ưu đãi phù hợp với điều kiện của dự án hoặc theo quy định chuyên ngành, do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định. ✓

Chương II

QUY ĐỊNH MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 4. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Khuyến khích đầu tư xây dựng, khai thác bãi đỗ xe:

a) Nhà đầu tư được hưởng chính sách hỗ trợ lãi vay đối với dự án đầu tư xây dựng, khai thác bãi đỗ xe. Phương thức thực hiện: Ngân sách Thành phố ủy thác qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố. Mức hỗ trợ bằng 50% số tiền lãi vay phải trả đối với khoản vay tại Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố, tính trên toàn bộ giá trị hợp đồng vay trong thời gian vay vốn nhưng không quá 05 năm. Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt danh sách hợp đồng vay được hỗ trợ lãi suất, mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ đối với từng hợp đồng vay của nhà đầu tư;

b) Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tiêu chí, điều kiện, nguyên tắc tổ chức khai thác đối với các dự án bãi đỗ xe được đầu tư theo quy hoạch để bảo đảm hiệu quả đầu tư khai thác công trình;

c) Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định danh mục các tuyến đường, vỉa hè (hè phố) của đường phố chính đô thị, đường Quốc lộ (trong khu vực đô thị), quỹ đất công chưa khai thác để tổ chức trồng giữ xe tạm thời bảo đảm trật tự an toàn giao thông, giảm thiểu ùn tắc giao thông.

2. Phát triển hạ tầng trạm sạc điện công cộng và hệ thống đổi pin công cộng

a) Phát triển hạ tầng trạm sạc điện công cộng và hệ thống đổi pin công cộng cho phương tiện giao thông sử dụng điện trên địa bàn Thành phố theo nguyên tắc bảo đảm tính đồng bộ, khả năng kết nối, sử dụng chung, chia sẻ hạ tầng và quyền tiếp cận bình đẳng của tổ chức, cá nhân. Hạ tầng trạm sạc công cộng, thiết bị sạc và đầu sạc điện được đầu tư mới trên địa bàn Thành phố phải bảo đảm khả năng kết nối, tương thích và sử dụng chung đối với nhiều chủng loại phương tiện; không được thiết lập hoặc duy trì các giải pháp kỹ thuật làm hạn chế khả năng tiếp cận, kết nối hoặc sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

b) Đối với kết cấu hạ tầng đường bộ đang khai thác có bố trí chỗ đỗ xe đủ điều kiện lắp đặt trạm sạc điện công cộng và hệ thống đổi pin công cộng cho phương tiện giao thông sử dụng điện: căn cứ vào điều kiện thực tế, khả năng đáp ứng về hạ tầng kỹ thuật, khả năng cung cấp điện, biện pháp đảm bảo phòng cháy chữa cháy và nhu cầu, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định tỷ lệ chỗ đỗ xe có lắp đặt trạm sạc điện công cộng và hệ thống đổi pin công cộng cho phương tiện giao thông sử dụng điện, nhưng phải đảm bảo không ảnh hưởng đến mục tiêu ban đầu của dự án. ✓

Điều 5. Chính sách giải phóng mặt bằng, đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Đối với Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường bộ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định tách nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án thành phần, dự án thành phần độc lập trong Báo cáo nghiên cứu khả thi mà không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư.

2. Căn cứ chủ trương đầu tư Dự án được cấp có thẩm quyền quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư; không phân biệt nhóm dự án, nguồn vốn thực hiện.

3. Chủ đầu tư dự án được phép áp dụng hình thức chỉ định thầu rút gọn đối với các gói thầu phục vụ công tác giải phóng mặt bằng bao gồm: tư vấn, phi tư vấn, thi công phá dỡ công trình. Trình tự, thủ tục chỉ định thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 6. Áp dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số

1. Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung về kết cấu hạ tầng đường bộ, bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ, tích hợp với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác của Thành phố theo kiến trúc chính quyền số và đô thị thông minh, phục vụ công tác đầu tư, quản lý, khai thác, vận hành kết cấu hạ tầng đường bộ và phát triển đô thị thông minh.

2. Ưu tiên ứng dụng công nghệ cảm biến, truyền dẫn và đồng bộ dữ liệu và các giải pháp công nghệ phù hợp để phục vụ công tác quản lý, khai thác, bảo trì, bảo đảm an toàn công trình đối với các công trình cầu, hầm đường bộ có quy mô từ cấp II trở lên.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, KHAI THÁC, BẢO TRÌ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG SẮT ĐỊA PHƯƠNG

Điều 7. Khai thác quảng cáo trên dải phân cách

1. Cho phép lắp đặt biển quảng cáo trên dải phân cách đường bộ và phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quảng cáo, đồng thời phải đảm bảo an toàn giao thông, mỹ quan đô thị và không ảnh hưởng đến kết cấu công trình.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định cụ thể việc lắp đặt biển quảng cáo trên tuyến đường được lắp đặt; vị trí, quy mô, kích thước, loại biển và cách thức tổ chức thực hiện. ✓

3. Ủy ban nhân dân Thành phố: Xây dựng khoản thu, mức thu, phê duyệt hoặc trình Hội đồng nhân dân theo thẩm quyền; quản lý và sử dụng nguồn thu từ hoạt động quảng cáo trên dải phân cách đường bộ, vỉa hè (hè phố), hành lang an toàn đường bộ, các công trình đường bộ để phục vụ quản lý, bảo trì, đầu tư phát triển công trình đường bộ.

Điều 8. Đảm bảo nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của đơn vị được giao quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ được trích chi phí quản lý dự án và chi phí giám sát từ nguồn kinh phí của công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ để đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên của đơn vị.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết tỷ lệ trích chi phí quản lý dự án và chi phí giám sát công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ để duy trì hoạt động thường xuyên của đơn vị.

Điều 9. Phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai trong lĩnh vực đường sắt địa phương, nhà ga

1. Cho phép áp dụng các quy định của Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia khi thực hiện khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai đối với công trình đường sắt địa phương, nhà ga trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đồng thời triển khai xây dựng các quy định của địa phương để áp dụng phù hợp với thực tiễn.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết về trình tự, thủ tục sửa chữa, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai đối với kết cấu hạ tầng công trình đường sắt địa phương, nhà ga trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Điều 10. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương

1. Số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt địa phương được sử dụng 80% để chi trả các chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác tài sản, duy trì, phát triển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật và phải hạch toán vào doanh thu của doanh nghiệp; phần còn lại (20%) nộp vào ngân sách nhà nước trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày phát sinh số thu từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo hình thức trực tiếp tổ chức khai thác tài sản.

2. Căn cứ kết quả hoạt động hằng năm của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt địa phương, Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức đánh giá kết quả hoạt động của doanh nghiệp và trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định điều chỉnh các tỷ lệ quy định tại khoản 1 Điều này, chậm nhất 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn 36 tháng nêu tại khoản 1 Điều này. 

Điều 11. Nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của đơn vị được giao quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương

1. Doanh nghiệp được giao quản lý và bảo trì tài sản đường sắt địa phương được trích chi phí quản lý và chi phí giám sát từ nguồn kinh phí của công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt địa phương trong trường hợp thực hiện theo hình thức đấu thầu hoặc đặt hàng.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng quy trình, định mức, quy định chi tiết chi phí quản lý và chi phí giám sát công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt địa phương.

Điều 12. Tổ chức thực hiện bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương

1. Tổ chức thực hiện bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương thực hiện theo hình thức: Tự thực hiện, đấu thầu, đặt hàng.

2. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt địa phương được tự thực hiện khi đảm bảo các điều kiện thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ quản lý bảo trì thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương theo quy định của pháp luật.

3. Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt địa phương tổ chức đấu thầu, đặt hàng theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Trách nhiệm tổ chức thi hành

1. Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; ban hành kế hoạch thực hiện, phân công trách nhiệm cụ thể cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan;

b) Bố trí kinh phí từ ngân sách thành phố và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các chính sách quy định tại Nghị quyết này theo quy định của pháp luật;

c) Nghiên cứu, xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Nghị quyết; trong đó:

Phát triển hệ thống bến xe trên địa bàn Thành phố, bảo đảm kết nối đồng bộ với mạng lưới giao thông liên tỉnh, các đầu mối trung chuyển và các phương thức vận tải khác; nâng cao năng lực khai thác, chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động của hệ thống bến xe; ✓

Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý, điều hành hoạt động giao thông vận tải, bao gồm hệ thống đường sắt đô thị;

Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển hạ tầng trạm sạc điện công cộng, hệ thống đổi pin công cộng, hạ tầng phục vụ giao thông phi cơ giới và các công trình hỗ trợ chuyển đổi xanh trong lĩnh vực giao thông vận tải. Quy định cụ thể phạm vi, điều kiện, tiêu chí và trình tự khai thác quảng cáo trên dải phân cách đường bộ; phân loại tuyến đường, khu vực và loại dải phân cách để bảo đảm áp dụng thống nhất, phù hợp với yêu cầu bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và đặc điểm kết cấu hạ tầng của từng loại công trình giao thông.

d) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết; kiểm tra, thanh tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc thực hiện các chính sách; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố về kết quả thực hiện, hiệu quả chính sách và tình hình sử dụng nguồn lực;

đ) Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách để bảo đảm thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Nghị quyết, Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền;

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Các quy định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực:

a) Các Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc ưu tiên phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn; khuyến khích đầu tư xây dựng, khai thác bến xe, bãi đỗ xe ô tô và các phương tiện cơ giới khác; áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông vận tải;

b) Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội. ➤

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các dự án, phương án, hợp đồng và các nội dung hỗ trợ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc ký kết trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội và Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội cho đến khi kết thúc thời hạn thực hiện hoặc có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

2. Các hồ sơ, dự án, phương án đang trong quá trình lập, thẩm định, xem xét phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội Khóa XVII, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2026./. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Ủy ban KT và TC của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Tài chính, Tư pháp;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Các Ban Đảng Thành ủy, VPTU;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các vị Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các VP: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Đảng ủy các xã, phường;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Trung tâm TT, DL và CNS Thành phố;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH



Phùng Thị Hồng Hà